

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2021/HS-ST**

Ngày: 08/9/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Gia

Các Hội thẩm nhân dân: Nguyễn Thành Nhi và Phan Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kim Thúy – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Thị Hàn Ni - Kiểm sát viên.

Ngày 08/9/2021 tại trụ sở TAND huyện Tây Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2021/HSST ngày 20/8/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/TLST-HS ngày 26/8/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Quý D, sinh ngày 08/02/2003; nơi sinh và ĐKTT: Thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình R, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1982; có 02 em; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Nguyễn Phan Anh Nh, sinh năm 2003; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Phan Thị Thanh S, sinh năm 1979; có mặt.

2. Phan Tiên Ph, sinh năm 1984; vắng mặt.

Đồng địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

3. Lương Thanh Ph, sinh năm 1976; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Ph, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

4. Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1982; có mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Người làm chứng: 1. Huỳnh Ngọc M, sinh năm 1972; vắng mặt.

2. Nguyễn Đắc Tr, sinh năm 1980; vắng mặt.

3. Hồ Lê D, sinh năm 1985; vắng mặt.

Đồng địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do không có tiền tiêu xài nên Nguyễn Quý D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán. Khoảng 19 giờ ngày 23/4/2021, D đi bộ đến quán internet Trọng Ph ở thôn P, xã H, huyện T tìm kiếm trộm xe mô tô. D phát hiện xe mô tô biển số 78N4-7473 của Nguyễn Phan Anh Nh không có người trông coi nên vào bên trong chái hiên của quán dắt trộm xe ra ngoài đường, dắt xe đến tiệm độ chìa khóa của Huỳnh Ngọc M nói mất chìa khóa và thuê độ lại chìa khóa với giá 30.000đ, rồi đưa xe đến gửi tại Trung tâm y tế huyện T. Khoảng 15 giờ ngày 24/4/2021, D đến trung tâm y tế huyện lấy xe, điều khiển đến thôn Ph, xã H, huyện T bán cho Lương Thành Ph (chủ tiệm xe máy cũ Thành Ph); do trong cốp xe có sẵn giấy đăng ký xe nên Phong đồng ý mua với giá 6.000.000đ, D lấy tiền tiêu xài cá nhân. Kết luận số 14/KL-HĐĐGTS ngày 11/5/2021 của Hội đồng định giá: Tại thời điểm ngày 23/4/2021, xe mô tô hiệu Sirius biển số 78N4 – 7473 có giá trị 11.000.000đ.

Về dân sự: Bị hại Nh đã nhận lại xe mô tô; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ph đã nhận từ bị cáo 6.000.000đ. Nh và Ph không có yêu cầu gì thêm.

Vật chứng: - Xe mô tô biển số 78N4-7473 và 01 giấy đăng ký xe đã trả lại cho chủ sở hữu. Tạm giữ 01 chìa khóa xe.

Cáo trạng số: 27/CT-VKSTH ngày 19/8/2021 của VKSND huyện T truy tố bị cáo D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Tại phiên tòa: Bị cáo D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng và xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: S và T không có yêu cầu gì.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 và 65 BLHS; xử phạt: Bị cáo D mức án từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 đến 24 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. Giao bị cáo cho Chính quyền địa phương và gia đình phối hợp quản lý và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Về dân sự: Tại phiên tòa, không ai yêu cầu gì nên không xét. Về vật chứng: tịch thu tiêu hủy một chìa khóa, vì không còn giá trị sử dụng. Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tây Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại CQĐT và tại phiên tòa đều phù hợp với nhau, phù hợp với thời gian, địa điểm phạm tội; lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án cùng các tài liệu là chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ ngày 23/4/2021 tại thôn P Ngoài, xã H, huyện T, bị cáo Nguyễn Quý D có hành vi lén lút trộm cắp xe mô tô hiệu Sirius biển số 78N4-7473 của bị hại Nguyễn Phan Anh Nh có giá trị 11.000.000đ, nên hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS như cáo trạng của VKSND huyện Tây Hòa truy tố là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo không những đã xâm hại đến tài sản riêng của người khác trái pháp luật mà còn gây bất bình trong quần chúng nhân dân, nên phải xử bị cáo mức án nghiêm để đảm bảo tính răn đe và trừng trị riêng đối với bị cáo và ngăn ngừa chung đối với xã hội.

[4] Tuy nhiên, xét sau khi phạm tội bị cáo và gia đình đã bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho bị hại, tại hồ sơ và tại phiên tòa, bị hại, mẹ bị hại xin giảm nhẹ hình phạt với mức thấp nhất cho bị cáo, bị cáo là học sinh nhiều năm liền được Trường học công nhận học sinh tiên tiến... là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS.

[5] Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà để bị cáo tự rèn luyện cải tạo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương cùng gia đình phối hợp giám sát cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Bị cáo là học sinh, sống phụ thuộc gia đình, nên HĐXX miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7] Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ph đã nhận 6.000.000đ từ bị cáo; không ai yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô biển số 78N4 – 7473 và giấy đăng ký xe đã trả lại cho chủ sở hữu, không ai có ý kiến gì nên HĐXX không xét.

Đối với 01 chìa khóa, hiện không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

[9] Về các vấn đề khác: Đối với Lương Thanh Ph không bàn bạc, thỏa thuận, hứa hẹn trước với bị cáo D về việc trộm cắp xe mô tô biển số 78N4 – 7473, nên CQCSĐT không xem xét xử lý là phù hợp.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, 47, 65 BLHS; Điều 106 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Quý D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Quý D 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo**, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục đối với bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Quý D phải chịu 200.000đ tiền án phí HSST.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tây Hòa;
- Công an huyện Tây Hòa;
- CC THADS huyện Tây Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Cao Gia

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Nhi Phan Thị Liên

Phạm Cao Gia

